

Số: 274/2018/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 341/2018/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy A**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 306/30, KP. 2, P T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân B**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 08, cư xá Thủy Tinh, Kp 5, P A, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1977.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 07/03/2002 và cháu **Nguyễn Gia L**, sinh ngày 22/10/2006 cho chị Nguyễn Thúy A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Xuân B cấp dưỡng cho cháu Huy số tiền 2.500.000đ/tháng và cấp dưỡng cho cháu L số tiền 2.500.000đ/tháng kể khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H, cháu L tròn 18 tuổi và có đủ khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên anh **Nguyễn Xuân B** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thúy A và anh Nguyễn Xuân B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí HNGĐ: Chị **Nguyễn Thúy A** tự nguyện chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình và đồng ý chịu thay anh **Nguyễn Xuân B** 150.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số **006240** ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị A đã nộp đủ án phí theo quy định.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự. Thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TP B;
- UBND P.**A**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú